

Hoa Kỳ với quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong thời kỳ chiến tranh lạnh : Luận án TS / Nguyễn Thị Thanh Thủy ; Nghd. : PGS. Nguyễn Quốc Hùng . - H. : ĐHKHXH & NV, 2006 . - 210 tr. + Tóm tắt + CD-ROM

1. Lý do chọn đề tài

Hoa Kỳ là nước đầu tiên chế tạo được vũ khí hạt nhân và cũng là nước đầu tiên sử dụng loại vũ khí này trong chiến tranh. Một trong những hậu quả nghiêm trọng là gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, chủ yếu giữa Hoa Kỳ và Liên Xô, trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Cũng ngay từ năm 1945, Hoa Kỳ đã quan tâm tới vấn đề kiểm soát năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân. Từ 1963 đến 1991, Hoa Kỳ tham gia ký kết một số văn kiện đa phương và song phương về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân. Các văn kiện này ở những mức độ khác nhau không chỉ ảnh hưởng đến các quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ mà còn tác động đến tình hình an ninh chính trị và quan hệ quốc tế. Vấn đề chạy đua vũ trang hạt nhân, kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân là một bộ phận quan trọng của Chiến tranh Lạnh.

Mặc dù cuộc chiến tranh này đã qua đi nhưng những bài học của nó vẫn còn có ý nghĩa đối với các vấn đề trong quan hệ quốc tế ngày nay, trong đó có vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân. Đề tài này đã được các học giả nước ngoài nghiên cứu nhiều nhưng có những hạn chế nhất định. Ở Việt Nam, đề tài này chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và mới chỉ có một số công trình bước đầu tìm hiểu vấn đề này. Vì vậy, đây là mảng nghiên cứu và tư liệu cần được bổ sung.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Các học giả nước ngoài đã nghiên cứu nhiều về chủ đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Một đặc điểm nổi bật là mỗi công trình chỉ nghiên cứu một giai đoạn nhất định, hoặc một vài vấn đề cụ thể, hoặc dung lượng của các công trình còn rất hạn chế, hoặc lồng ghép trong các vấn đề quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ.¹ Nguồn tài liệu tiếng Việt về chủ đề này rất ít. Có một số tài liệu bàn về đấu tranh chống chạy đua vũ trang nói chung và vũ trang hạt nhân nói riêng. Các học giả Việt Nam cũng đã bước đầu có một vài công trình nghiên cứu về vấn đề vũ khí hạt nhân và chống chiến tranh hạt nhân, giữ gìn hòa bình thế giới. Ngoài ra có một số sách dịch của các tác giả nước ngoài có liên quan đến chủ đề này.²

¹ Tham khảo Burns H. Weston (1984), *Toward Nuclear Disarmament and Global Security: A Search for Alternatives*, Westview, Boulder, Colorado; Walter L. Hixson (1996), 'Nuclear Weapons and Cold War Diplomacy' trong sách *Modern American Diplomacy*, John M. Carroll và George C. Herring (Chủ biên), SR Books; Walter LaFeber (1997), *America, Russia, and the Cold War, 1945-1996*, The McGraw-Hill Companies, Inc.; Glenn P. Hastedt (2003), *American Foreign Policy: Past, Present, Future*, Prentice Hall; Và một số công trình khác nêu trong mục tài liệu tham khảo của luận án.

² Tham khảo Tạ Quang Bửu (1955), *Đấu tranh đòi triệt để cấm vũ khí nguyên tử*, Ủy ban bảo vệ hòa bình Việt Nam; *Tăng cường đoàn kết bảo vệ hòa bình*,

3. Mục tiêu và giới hạn của luận án

Nội dung nghiên cứu của luận án nhằm trả lời cho các câu hỏi: Động cơ và vai trò của Hoa Kỳ trong quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân là gì? Những văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân mà Hoa Kỳ tham gia ký kết có ý nghĩa gì đối với quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ cũng như đối với vấn đề an ninh - chính trị thế giới trong giai đoạn này? Đồng thời luận án góp phần luận giải về cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, một nội dung quan trọng của Chiến tranh Lạnh. Luận án cũng bước đầu nghiên cứu về quan điểm của Việt Nam đối với vấn đề vũ trang hạt nhân cũng như phong trào đấu tranh chống chạy đua vũ trang, chống vũ khí hạt nhân và chiến tranh hạt nhân trên thế giới. Trên cơ sở đó rút ra những bài học cho các vấn đề có liên quan đến kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân hiện nay. Thời điểm nghiên cứu của luận án bắt đầu từ năm 1945, đó là khi Hoa Kỳ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản, gây ra những hậu quả nghiêm trọng trong đó có vấn đề chạy đua vũ trang hạt nhân. Thời điểm kết thúc của vấn đề nghiên cứu trong luận án là năm 1991, đó là khi Liên Xô ký Hiệp ước START I năm tháng trước khi siêu cường này tan rã. Do đây là một luận án thuộc chuyên ngành Lịch sử nên nội dung nghiên cứu không đi sâu

phá tan âm mưu chuẩn bị chiến tranh hạt nhân của đế quốc Mỹ, Nxb Sự Thật 1963; Hoàng Tùng (1984), *Đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình và sự sống*, Nxb Sự Thật; *Một bước mở đầu tốt đẹp của cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân*, Nxb Sự Thật 1988; Nguyễn Chung Tú (1996), *Bạn biết gì về vũ khí hạt nhân*, Nxb Trẻ TP. Hồ Chí Minh; Anatoly Dobrynin (2001), *Đặc biệt tin cậy: Vị đại sứ ở Oasinhton qua sáu đời Tổng thống Mỹ*, Nxb Chính trị Quốc gia; Trương Tiểu Minh (2002), *Chiến tranh Lạnh và di sản của nó*, Nxb Chính trị Quốc gia; Và một số công trình khác nêu trong mục tài liệu tham khảo của luận án.

vào lĩnh vực khoa học kỹ thuật quân sự và chỉ giới hạn vấn đề nghiên cứu đối với vũ khí hạt nhân, không mở rộng ra các loại vũ khí khác, kể cả vũ khí thông thường.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

Các tài liệu tham khảo chính là các văn kiện song phương và đa phương về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân mà Hoa Kỳ đã tham gia ký kết. Đó là các Hiệp ước LTB-1963, Hiệp ước OST-1967, Hiệp ước NPT-1968, Hiệp ước SALT I-1972, Hiệp ước SALT II -1979, Hiệp ước INF-1987 và Hiệp ước START I-1991. Luận án cũng tham khảo một số văn kiện khác và các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước. Vì những vấn đề nghiên cứu trong luận án mang tính liên ngành nên phương pháp nghiên cứu là sự kết hợp của phương pháp khoa học lịch sử và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế.

5. Đóng góp của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần hệ thống hóa các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực vũ khí hạt nhân trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Đồng thời luận án góp phần luận giải về thực chất vai trò của Hoa Kỳ trong lĩnh vực này cũng như tác động của nó đối với các vấn đề trong quan hệ quốc tế và an ninh chính trị thế giới. Ngoài ra, luận án tổng hợp quan điểm của thế giới và Việt Nam đối với vấn đề vũ trang hạt nhân, đấu tranh đòi hủy bỏ vũ khí hạt nhân, chống chiến tranh hạt nhân, giữ gìn sự ổn định về an ninh - chính trị và hòa bình trong khu vực cũng như trên toàn thế giới. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ được sử dụng trong nội dung giảng dạy về quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ trong khuôn khổ của chương trình Hoa Kỳ học của Khoa

Quốc tế học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận án đóng góp vào nguồn tư liệu tham khảo còn hạn chế bằng tiếng Việt về quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ cũng như các vấn đề có liên quan đến vũ trang hạt nhân trong thời kỳ này.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của luận án được trình bày trong ba chương. Chương 1 nghiên cứu những vấn đề liên quan đến vũ khí hạt nhân từ năm 1945 đến năm 1962. Năm 1945 là thời điểm Hoa Kỳ chế tạo thành công vũ khí nguyên tử đầu tiên và cũng là lần đầu tiên vũ khí này được sử dụng trong chiến tranh. Việc Hoa Kỳ ném bom nguyên tử ở Nhật Bản năm 1945 đã để lại những hậu quả nghiêm trọng. Một trong những hậu quả đó là gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân trên thế giới, chủ yếu giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba tháng 10-1962 chính là một biểu hiện của cuộc chạy đua giữa hai siêu cường Mỹ - Xô và đặt thế giới trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân. Từ sau sự kiện này, các cuộc đàm phán Mỹ - Xô về vũ khí hạt nhân bước sang một giai đoạn mới. Các sự kiện liên quan đến vũ khí hạt nhân trong giai đoạn 1945-1962 đã đặt cơ sở cho quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong những giai đoạn tiếp theo.

Chương 2 nghiên cứu động cơ và vai trò của Hoa Kỳ trong quá trình kiểm soát và bước đầu hạn chế vũ khí hạt nhân từ 1963 đến 1976. Năm 1963 là thời điểm Hoa Kỳ ký hiệp ước đa phương đầu tiên về hạn chế thử vũ khí hạt nhân, một phần do hậu quả của cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962. Tiếp sau đó, Hoa Kỳ tham gia ký kết những hiệp ước đa phương và song

phương khác về lĩnh vực kiểm soát vũ khí hạt nhân trong khung cảnh của sự hòa dịu trong quan hệ Mỹ - Xô từ đầu thập niên 70. Năm 1976 là năm cuối cùng của chính quyền Ford và tình hình chính trị nội bộ Mỹ lúc này xuất hiện quan điểm chống lại sự hòa dịu Mỹ - Xô. Sự kết thúc của chính quyền Ford cũng là khởi đầu của một giai đoạn mới trong quan hệ Mỹ - Xô và ảnh hưởng trực tiếp tới các cuộc đàm phán giữa hai nước về vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong giai đoạn này.

Chương 3 nghiên cứu các hoạt động của Hoa Kỳ trong lĩnh vực cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược từ năm 1977 đến năm 1991. Năm 1977 là thời điểm bắt đầu của một chính quyền mới ở Mỹ, chính quyền Carter, đồng thời cũng là lúc sự hòa dịu trong quan hệ Mỹ - Xô từng bước bị phá vỡ. Trong khi đó cục diện thế giới có nhiều biến động lớn. Những thực tế này ảnh hưởng không nhỏ tới vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân. Mặc dù vậy trong giai đoạn này Hoa Kỳ và Liên Xô đã ký được một số văn kiện quan trọng về cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược trước khi Liên Xô sụp đổ tháng 12-1991. Những văn kiện này không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ song phương Mỹ - Xô mà còn tác động đến những vấn đề quan trọng trong quan hệ quốc tế và tình hình an ninh chính trị thế giới.

Những vấn đề đã trình bày trong luận án được kết luận thành bốn điểm chính: 1) Nhận xét chung về vấn đề vũ khí hạt nhân và quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong thời kỳ 1945-1991; 2) Tổng hợp và đánh giá các hoạt động của Hoa Kỳ trong cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân và quá trình

kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong giai đoạn 1945-1991; 3) Nhận xét về phong trào chống chạy đua vũ trang hạt nhân và chống chiến tranh hạt nhân; 4) Tổng hợp quan điểm của Việt Nam đối với vấn đề vũ khí hạt nhân nói chung và các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân từ 1963 đến 1991.

Toàn bộ nội dung luận án có 187 trang. Phần ‘Danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án’ có 6 bài viết đăng trên các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành. Mục tài liệu tham khảo có 175 đầu sách và bài báo (tiếng Việt: 75, tiếng Anh: 100). Phần phụ lục có một bảng giải thích các thuật ngữ về vũ khí hạt nhân và năng lượng hạt nhân, và một số hình ảnh minh họa liên quan đến vũ khí hạt nhân cũng như các loại vũ khí hạt nhân chiến lược của Mỹ.

B. NỘI DUNG CHÍNH CỦA LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1. NHỮNG CƠ SỞ CỦA QUÁ TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẮT GIẢM VŨ KHÍ HẠT NHÂN (1945-1962)

1.1. Cục diện thế giới và vấn đề vũ khí hạt nhân

Luận án bắt đầu với việc khái quát về vấn đề sản xuất và sử dụng bom nguyên tử của Hoa Kỳ trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Phần này phân tích động cơ và hậu quả của việc sử dụng bom nguyên tử của Mỹ trong chiến tranh. Một trong những động cơ quan trọng là tranh giành chiến thắng về ngoại giao với Liên Xô và một trong những hậu quả đáng chú ý là gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Cuộc chạy đua này diễn ra trong khung cảnh hình thành hai khối đối lập do Hoa Kỳ và Liên Xô đứng đầu từ sau năm 1945. Sau Hoa Kỳ và Liên Xô, Anh và

Pháp cũng chế tạo được vũ khí hạt nhân và tham gia vào cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Trong giai đoạn này, Hoa Kỳ vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối về vũ khí hạt nhân mặc dù Liên Xô đã phá vỡ thế độc tôn hạt nhân của Mỹ và nhanh chóng đạt được những tiến bộ lớn về kỹ thuật chế tạo vũ khí hạt nhân.

1.2. Quan điểm của Mỹ về kiểm soát vũ khí hạt nhân

Hoa Kỳ là nước đầu tiên chế tạo được vũ khí hạt nhân và vấn đề kiểm soát năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân cũng chính người Mỹ đề xuất đầu tiên. Phần này trình bày và phân tích quan điểm của người Mỹ về vấn đề vũ khí hạt nhân. Đó là sự phản đối của các nhà khoa học nguyên tử Mỹ đối với việc dùng bom nguyên tử trong chiến tranh và kiến nghị không chế tạo thêm vũ khí hạt nhân. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ H. L. Stimson cũng đề nghị chính quyền Truman đàm phán với Liên Xô về vấn đề vũ khí hạt nhân vì cho rằng vấn đề này sẽ chi phối toàn bộ quan hệ Mỹ - Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Những kiến nghị này đã bị chính quyền Mỹ bác bỏ. Tuy nhiên từ năm 1946 khi Liên Xô lao vào việc nghiên cứu và chế tạo vũ khí hạt nhân, Hoa Kỳ đã liên tục đưa ra nhiều đề nghị với Liên Xô về kiểm soát năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân. Trong khung cảnh của cuộc đối đầu Mỹ - Xô và sự chênh lệch lớn về lực lượng hạt nhân, những đề nghị của Hoa Kỳ đã không được Liên Xô chấp nhận. (Năm 1962, số lượng vũ khí hạt nhân của Hoa Kỳ là 27.609, Liên Xô là 3.322 và Anh là 205). Mặc dù có những đàm phán bước đầu nhưng các cường quốc hạt nhân vẫn chưa đạt được một thỏa thuận nào bằng văn bản về vấn đề năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân cho đến khi cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba xảy ra tháng 10-1962.

1.3. Cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba

Trong cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, ngoài việc tăng cường chế tạo vũ khí hạt nhân, cả Hoa Kỳ và Liên Xô cùng tìm cách triển khai vũ khí hạt nhân ở các nước đồng minh để tạo thế bao vây lẫn nhau. Đây chính là một tiền đề quan trọng của cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba. Phần này trình bày toàn bộ những tiền đề, diễn biến và hệ quả của cuộc khủng hoảng và nhận định rằng cuộc khủng hoảng này chính là một phần của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân và là một sự kiện quan trọng của cuộc Chiến tranh Lạnh ở châu Mỹ.

1.4. Nhận xét

Hoa Kỳ là nước đầu tiên chế tạo được vũ khí hạt nhân và cũng là nước đầu tiên sử dụng vũ khí này trong chiến tranh. Một trong những hậu quả nghiêm trọng của việc làm này là gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Song song với chạy đua vũ trang hạt nhân, Hoa Kỳ đã tìm cách ngăn cản sự phát triển vũ khí hạt nhân của các nước khác, thể hiện qua những đề nghị về kiểm soát năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân. Đồng thời trong giai đoạn này đã xuất hiện phong trào phản đối vũ khí hạt nhân và chạy đua vũ trang ở Hoa Kỳ và nhiều nơi khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Những sự kiện có liên quan đến vũ khí hạt nhân trong giai đoạn này là cơ sở cho quá trình thực sự kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong các giai đoạn sau.

CHƯƠNG 2. HOA KỲ VỚI VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT VÀ HẠN CHẾ VŨ KHÍ HẠT NHÂN (1963-1976)

2.1. Tình hình quốc tế và vấn đề vũ khí hạt nhân

Việc nghiên cứu về động cơ và vai trò của Hoa Kỳ trong quá trình kiểm soát và bước đầu hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược được đặt trong bối cảnh quốc tế, trong đó quan hệ của Hoa Kỳ với Liên Xô và Trung Quốc đã chi phối lớn những chính sách đối ngoại và chính sách hạt nhân của Hoa Kỳ. Quan hệ Mỹ - Xô sau cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962 bắt đầu có những thay đổi theo hướng hòa dịu. Từ đầu thập niên 70 xuất hiện sự hòa dịu trong quan hệ của Hoa Kỳ với Liên Xô và Trung Quốc. Hoa Kỳ định lợi dụng sự hòa dịu trong quan hệ với hai cường quốc đối địch này để đạt được những mục tiêu đối ngoại và gắn kết vấn đề quan hệ song phương với vấn đề kiểm soát vũ trang hạt nhân. Đáng chú ý là số lượng vũ khí hạt nhân trong giai đoạn này đã tăng lên nhanh chóng. Năm 1964, Trung Quốc trở thành nước sở hữu vũ khí hạt nhân thứ 5 trên thế giới. Tổng số vũ khí hạt nhân của 5 nước Hoa Kỳ, Liên Xô, Anh, Pháp và Trung Quốc năm 1964 là 36.844, năm 1976 là 48.156. Những thực tế này thúc đẩy các chính quyền Mỹ tăng cường vấn đề kiểm soát vũ khí hạt nhân để cản trở sự phát triển vũ khí hạt nhân của các nước khác.

2.2. Hoa Kỳ với những hiệp ước ban đầu của quá trình thương lượng về kiểm soát vũ khí hạt nhân

Sự hòa dịu với Liên Xô đã tạo điều kiện cho Hoa Kỳ và Liên Xô ký được một số văn kiện song phương và đa phương. Các văn kiện về kiểm soát vũ trang hạt nhân then chốt là Hiệp ước hạn chế thử vũ khí hạt nhân (LTB) năm 1963, Hiệp ước về không gian vũ trụ (OST) năm 1967, Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) năm 1968. Các văn kiện này trên thực tế đều có lợi cho cả Hoa Kỳ và Liên Xô. Vì vậy Pháp và Trung

Quốc không tham gia các văn kiện này. Đặc biệt Trung Quốc bày tỏ sự phản đối mạnh mẽ đối với tất cả các văn kiện mà Hoa Kỳ và Liên Xô cùng tham gia ký kết. Do đó các văn kiện này không chỉ tác động đối với vấn đề kiểm soát vũ trang hạt nhân mà còn tác động tới quan hệ giữa các cường quốc lớn.

2.3. Hoa Kỳ và các hiệp ước then chốt về hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược

Hai văn kiện quan trọng về hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược mà Hoa Kỳ ký với Liên Xô là Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng thủ chống tên lửa đạn đạo (ABM) năm 1972 và Hiệp định tạm thời về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn I. Các văn kiện này hợp thành Hiệp ước SALT I và có tác dụng hạn chế cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa hai siêu cường. Ngoài ra do sự hòa dịu trong quan hệ song phương, Hoa Kỳ và Liên Xô còn ký thêm một số văn kiện quan trọng khác về vũ khí hạt nhân sau SALT I. Trong số này đáng chú ý là Hiệp ước ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân (6-1973). Sự hòa dịu trong quan hệ Mỹ - Xô cùng với việc ký kết những văn kiện song phương giữa hai siêu cường đã có ảnh hưởng nhất định tới sự hòa dịu ở châu Âu, chiến trường chính của cuộc Chiến tranh Lạnh. Mặc dù vậy, Trung Quốc tiếp tục nghi ngờ động cơ của Hoa Kỳ và Liên Xô trong việc ký kết những văn kiện này, làm cho mâu thuẫn Xô - Trung thêm sâu sắc.

2.4. Nhận xét

Sự hòa dịu trong quan hệ Mỹ - Xô và Mỹ - Trung là đặc điểm nổi bật trong giai đoạn này. Sự hòa dịu Mỹ - Xô đạt được nhiều kết quả hơn so với sự hòa dịu Mỹ - Trung, thể hiện rõ qua việc Hoa Kỳ và Liên Xô ký được nhiều văn kiện hợp tác trong

các lĩnh vực khác nhau. Các văn kiện đa phương và song phương về kiểm soát và hạn chế vũ khí hạt nhân trong giai đoạn này có tác động nhất định tới quan hệ giữa các cường quốc lớn. Các văn kiện này trên thực tế vẫn có lợi cho Hoa Kỳ trong điều kiện Hoa Kỳ vẫn chiếm ưu thế về vũ khí hạt nhân cùng với khả năng chi tiêu quân sự ở mức cao. Tuy nhiên, việc có nhiều nước tham gia vào Hiệp ước NPT thể hiện nguyện vọng của các dân tộc trên thế giới, trong đó có Việt Nam, muốn được sống trong một thế giới không có vũ khí hạt nhân.

CHƯƠNG 3. HOA KỲ VỚI VẤN ĐỀ CẮT GIẢM VŨ KHÍ HẠT NHÂN CHIẾN LƯỢC (1977-1991)

3.1. Tình hình quốc tế và vấn đề vũ khí hạt nhân

Trong giai đoạn này, trục quan hệ Mỹ - Xô vẫn tiếp tục chi phối tình hình quốc tế và vẫn nằm trong ưu tiên của chính sách đối ngoại và chính sách hạt nhân của các chính quyền Mỹ. Sự hòa dịu trong quan hệ Mỹ - Xô dưới chính quyền Carter từng bước bị phá vỡ. Ngoài ra, sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Liên Xô sau khi Gorbachev lên nắm quyền năm 1985 và những biến động lớn ở Đông Âu và ở Liên Xô cuối thập niên 80 đã có những tác động không nhỏ tới các cuộc đàm phán về cắt giảm vũ khí hạt nhân cũng như việc thực thi các văn kiện mà hai nước đã tham gia ký kết. Cũng trong giai đoạn này, sự phổ biến vũ khí hạt nhân đã tăng lên với việc có thêm nhiều nước khác nắm được kỹ thuật hạt nhân và có khả năng chế tạo được vũ khí hạt nhân. Những thực tế này trở thành cơ sở cho chính sách hạt nhân mới của các chính quyền Mỹ với đặc điểm nổi bật là tiếp tục nâng cao sức mạnh hạt nhân của Hoa Kỳ và tăng cường

kiểm soát và kiềm chế sự phát triển vũ khí hạt nhân của các nước khác. Trong tình hình đó, phong trào đấu tranh chống vũ khí hạt nhân và chiến tranh hạt nhân phát triển mạnh chưa từng thấy, diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới. Ở mức độ nhất định phong trào này đã gây sức ép buộc các cường quốc hạt nhân phải trở lại đàm phán và tiến hành cắt giảm vũ khí hạt nhân.

3.2. Hoa Kỳ với các hiệp ước then chốt về cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược

Mặc dù có những trở ngại, trong giai đoạn này Hoa Kỳ và Liên Xô đã ký được những văn kiện quan trọng về cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược. Đó là Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn II (SALT II) năm 1979, Hiệp ước hủy bỏ vũ khí hạt nhân tầm trung và tầm ngắn (INF) năm 1987 và Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược giai đoạn I (START I) năm 1991. Phần này trình bày quá trình hai nước đàm phán và đi đến ký kết ba văn kiện này cũng như tác động của các văn kiện đó đối với tình hình an ninh chính trị quốc tế cũng như quan hệ giữa các cường quốc lớn. Ngoài ra, tác giả cũng phân tích động cơ và ưu thế hạt nhân của Hoa Kỳ trước và sau khi ký kết các văn kiện này với Liên Xô.

3.3. Nhận xét

Nhìn chung, việc Hoa Kỳ ký ba văn kiện về cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược trong giai đoạn này không làm suy giảm sức mạnh hạt nhân của cường quốc này. Trên thực tế, các hiệp ước đó đã cắt giảm một số lượng đáng kể (trên 2000) vũ khí hạt nhân chiến lược của Hoa Kỳ và Liên Xô và cũng góp phần giảm tình hình căng thẳng trong quan hệ quốc tế. Ngoài ra, Hiệp ước START I là cơ sở để Hoa Kỳ và Liên bang Nga, nước kế thừa

Liên Xô sau năm 1991, tiếp tục quá trình đàm phán về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân ở giai đoạn sau. Vì thế dư luận rộng rãi trên thế giới hoan nghênh việc ký kết các hiệp ước về cắt giảm vũ khí hạt nhân, coi đó là bước đi hiện thực tiến tới việc hủy bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, khi Chiến tranh Lạnh kết thúc số lượng vũ khí hạt nhân trên thế giới vẫn còn lớn. Vì vậy trên thực tế phong trào đấu tranh đòi hủy bỏ triệt để vũ khí hạt nhân vẫn còn tiếp tục, góp phần gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới.

KẾT LUẬN

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, vũ khí hạt nhân và chạy đua vũ trang hạt nhân là một đặc điểm nổi bật của “cuộc chiến tranh” này và Hoa Kỳ là một nước tham chiến chủ chốt. Chạy đua vũ trang hạt nhân diễn ra đồng thời với quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân. Nó có những tác động lớn tới các vấn đề trong quan hệ quốc tế nói chung và tới mối quan hệ của các cường quốc hạt nhân nói riêng. Những vấn đề đã trình bày trong luận án được kết luận trong một số điểm như sau.³

1. Vũ trang hạt nhân cùng với quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân là một vấn đề quân sự và chính trị quan trọng trong thời kỳ 1945-1991. Có thể nói sự ra đời của vũ khí hạt nhân đã có ảnh hưởng lớn đến đời sống quốc tế. Theo học giả Trung Quốc Trương Tiểu Minh sự ra đời của vũ khí hạt nhân

³ Phần kết luận in toàn văn theo qui định. Các chú thích trong phần này viết theo số thứ tự của tài liệu tham khảo trích dẫn trong luận án.

là “cú sốc mạnh đối với lý luận về chiến tranh và hòa bình truyền thống, có ảnh hưởng rất lớn đối với toàn bộ mối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai”. [52, tr. 183]. Trên thực tế, vấn đề vũ khí hạt nhân luôn ngự trị trong đời sống chính trị quốc tế trong suốt chiều dài hơn 40 năm của cuộc Chiến tranh Lạnh. Các vấn đề có liên quan đến vũ khí hạt nhân như chạy đua vũ trang hạt nhân, kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân đã chi phối lớn các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là mối quan hệ giữa hai cường quốc hạt nhân hàng đầu là Hoa Kỳ và Liên Xô. Cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân thực sự trở thành một bộ phận quan trọng của cuộc Chiến tranh Lạnh.

Một trong những ảnh hưởng của vũ khí hạt nhân đối với đời sống quốc tế là sự xuất hiện chính sách ngoại giao hạt nhân trong đường lối đối ngoại của một số nước có vũ khí hạt nhân. Hoa Kỳ là nước đầu tiên áp dụng chính sách này khi chính quyền Mỹ ném bom nguyên tử ở Nhật Bản năm 1945 để tranh giành ảnh hưởng với Liên Xô. Sau đó trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, chính quyền Mỹ đã đe dọa sử dụng bom nguyên tử để giải quyết cuộc chiến tranh. [118, tr. 378]. Theo đánh giá của các học giả, sự đe dọa của Mỹ có tác dụng nhất định trong việc buộc các bên tham chiến ngồi vào bàn đàm phán về vấn đề ngừng bắn. [52, tr. 197; 93, tr. 191]. Trong cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962, Hoa Kỳ tuyên bố tình trạng chiến tranh hạt nhân để ép Liên Xô nhượng bộ. Ba sự kiện này có thể coi là những trường hợp điển hình của việc áp dụng chính sách ngoại giao hạt nhân trong quan hệ đối ngoại của các chính quyền Mỹ.

Liên Xô khi chế tạo được vũ khí hạt nhân cũng áp dụng chính sách ngoại giao hạt nhân trong quan hệ với Hoa Kỳ. Trong cuộc khủng hoảng Berlin năm 1961, Liên Xô đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân để đạt được sự nhượng bộ của Hoa Kỳ và các đồng minh phương Tây trong việc giải quyết các cuộc xung đột. [52, tr. 203-204]. Như vậy, vũ khí hạt nhân đã được Hoa Kỳ và Liên Xô sử dụng như một “con bài” để gây áp lực với đối thủ trong việc giải quyết những bất đồng trong quan hệ quốc tế. Ngoài Hoa Kỳ và Liên Xô, các nước khác có vũ khí hạt nhân cũng sử dụng nó nhằm đạt được mục tiêu chính trị trong quan hệ với các đối thủ. Nói cách khác là họ đều áp dụng chính sách ngoại giao hạt nhân nhưng ở những mức độ khác nhau. Vì thế, vũ khí hạt nhân được coi là thứ vũ khí rắn đe, vũ khí chính trị. Tuy nhiên, do tính chất hủy diệt to lớn của loại vũ khí này buộc các cường quốc hạt nhân phải thận trọng trong việc xử lý các cuộc xung đột để không dẫn tới nguy cơ một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Do sự phổ biến nhanh chóng của kỹ thuật hạt nhân và vũ khí hạt nhân từ sau năm 1945, nguy cơ bùng nổ một kiểu chiến tranh mới, chiến tranh hạt nhân, luôn tồn tại. Thực tế này đe dọa hòa bình và an ninh của thế giới, kể cả những nước có vũ khí hạt nhân. Vì thế, vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân có ý nghĩa quan trọng. Các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân đạt được trong giai đoạn từ 1963 đến 1991 trước hết thể hiện sự quan tâm của các nước đối với vấn đề hạn chế phát triển vũ khí hạt nhân, giảm bớt nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt

nhân. Đồng thời các văn kiện này, ở những mức độ khác nhau, có tác dụng giảm bớt những căng thẳng trong quan hệ song phương và đa phương. Ngoài ra, chúng có những tính chất tích cực khác thể hiện qua sự hoan nghênh của dư luận quốc tế. Tuy nhiên, các văn kiện này không đạt được sự nhất trí hoàn toàn của các cường quốc hạt nhân. Pháp và Trung Quốc không tham gia hầu hết các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân (trừ Hiệp ước OST-1967) trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh là ví dụ điển hình. Nguyên nhân chính là do sự chênh lệch về tương quan lực lượng hạt nhân, do những tính toán khác nhau trong lợi ích an ninh quốc gia của các nước trong việc sở hữu vũ khí hạt nhân, và do những bất đồng trong quan hệ song phương giữa các cường quốc.

Mặc dù vậy, các văn kiện đã ký kết trong giai đoạn này đều có ý nghĩa lớn trên các phương diện khác nhau. Các Hiệp ước LTB-1963, Hiệp ước OST-1967 và Hiệp ước NPT-1968 đã có tác dụng hạn chế ô nhiễm môi trường do các vụ thử hạt nhân trên mặt đất và dưới nước gây ra, làm cho vũ trụ trở thành nơi không có vũ khí hạt nhân và hạn chế sự phổ biến vũ khí hạt nhân trên thế giới. Nhìn chung ba văn kiện này có tác dụng nhất định đối với việc kiểm soát vũ khí hạt nhân. Các Hiệp ước SALT I-1972, SALT II-1979, Hiệp ước INF-1987 và Hiệp ước START I-1991 trên thực tế đã có tác dụng cắt giảm một số lượng lớn vũ khí hạt nhân của Hoa Kỳ và Liên Xô. Các văn kiện này từng bước hạn chế cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa hai siêu cường Mỹ - Xô. Tuy nhiên, đây chỉ là các văn kiện song

phương. Các cường quốc hạt nhân khác chưa tham gia vào quá trình cắt giảm vũ khí hạt nhân.

2. Những hoạt động của Hoa Kỳ trong quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân từ năm 1945 đến năm 1991 có động cơ rõ ràng: nhằm bảo vệ ưu thế hạt nhân của Hoa Kỳ, sử dụng vũ khí hạt nhân làm công cụ răn đe trong quan hệ quốc tế nhằm mục đích cao nhất là thống trị thế giới. Ngay từ khi Hoa Kỳ còn độc quyền vũ khí hạt nhân, các chính quyền Mỹ đã đưa ra những đề nghị về kiểm soát năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân. Mục tiêu chính của những đề nghị này là ngăn cản sự phát triển vũ khí hạt nhân của các nước khác nhằm giữ độc quyền cho Hoa Kỳ. Khi Liên Xô chế tạo được vũ khí hạt nhân năm 1949 và nhanh chóng đạt được những tiến bộ lớn về kỹ thuật hạt nhân, các chính quyền Mỹ vẫn tiếp tục đưa ra nhiều đề nghị về kiểm soát vũ khí hạt nhân nhằm kiềm chế Liên Xô và các nước khác. Do lực lượng hạt nhân của Liên Xô còn quá chênh lệch so với lực lượng hạt nhân của Hoa Kỳ nên Liên Xô tiếp tục tăng cường chế tạo vũ khí hạt nhân. Vì thế trừ Hiệp ước phi hạt nhân ở Nam Cực (12-1959), từ năm 1946 đến năm 1962 Hoa Kỳ không đạt được một thỏa thuận quan trọng nào về kiểm soát vũ khí hạt nhân với đối thủ chính là Liên Xô. Chỉ từ sau cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962, Hoa Kỳ và Liên Xô mới đạt được những thỏa thuận quan trọng về vấn đề này. Đáng chú ý là việc ký kết Hiệp ước LTB-1963, Hiệp ước OST-1967 và Hiệp ước NPT-1968. Những văn kiện này trên thực tế có lợi cho cả Hoa Kỳ và Liên Xô. Chúng có tác dụng kiềm chế sự phát

triển vũ khí hạt nhân của các nước khác trong khi đó không cản trở hai siêu cường Mỹ - Xô tiếp tục phát triển vũ khí hạt nhân của riêng họ.

Sau khi ký các hiệp ước hạn chế và cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược (SALT, INF, START), Hoa Kỳ phải cắt giảm số lượng lớn vũ khí hạt nhân theo qui định của các hiệp ước này. Tuy nhiên trên thực tế, Hoa Kỳ vẫn chiếm ưu thế về vũ khí hạt nhân. Khi Liên Xô sụp đổ, kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô thuộc quyền sở hữu của bốn nước Nga, Belarus, Ukraine và Kazakhstan. Trong khi đó Tổng thống ba nước Belarus, Ukraine và Kazakhstan đã cam kết hủy bỏ tất cả vũ khí hạt nhân trên lãnh thổ của họ. Vì thế, Hoa Kỳ trở thành siêu cường hạt nhân duy nhất sau Chiến tranh Lạnh. Như vậy, việc Hoa Kỳ ký các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân từ năm 1963 đến năm 1991 thể hiện sự quan tâm lớn của các chính quyền Mỹ đối với vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân. Về thực chất, quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân có tác dụng kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân của các nước khác. Quá trình này không làm hại tới sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh hạt nhân nói riêng của Hoa Kỳ cả trong và sau Chiến tranh Lạnh.

Tuy nhiên, việc tham gia vào cuộc chạy đua vũ trang nói chung và vũ trang hạt nhân nói riêng đã gây ra những hậu quả tiêu cực đối với nước Mỹ. Trên phương diện kinh tế, chạy đua vũ trang hạt nhân đã gây ra những tổn kém lớn trong chi phí quân sự. Mặc dù Hoa Kỳ có một nền kinh tế hàng đầu thế giới,

sự tổn kém do các cuộc can thiệp quân sự ở nước ngoài và của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân gây ra tình trạng thường xuyên thiếu hụt ngân sách của chính phủ liên bang Mỹ. Vì thế việc cắt giảm vũ trang nói chung và vũ trang hạt nhân nói riêng có lợi cho Hoa Kỳ trong việc tiết kiệm ngân sách. Theo tính toán của các quan chức cao cấp Mỹ, các hiệp ước hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược và Hiệp ước ABM đã cắt giảm chi phí 100 tỷ USD mỗi năm cho ngân sách quốc phòng Mỹ trong việc chế tạo các tên lửa tiến công và vũ khí phòng thủ. Riêng Hiệp ước ABM đã giảm chi tiêu 1.000 tỷ USD cho ngân sách của chính phủ liên bang Mỹ trong việc xây dựng hệ thống phòng thủ toàn quốc. Ngoài ra, Hiệp ước START I tiết kiệm được nhiều tỷ USD cho việc chế tạo và nâng cấp các vũ khí hạt nhân chiến lược. [60, tr. 15]. Đây chính là một động cơ của Hoa Kỳ trong việc thực hiện cắt giảm vũ khí hạt nhân.

3. Ngay từ khi vũ khí hạt nhân ra đời, một phong trào đấu tranh chống vũ khí hạt nhân và chạy đua vũ trang hạt nhân đã hình thành và liên tục phát triển ở nhiều nước và trên các diễn đàn quốc tế. Phong trào này thể hiện mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế trước nguy cơ đe dọa của vũ khí hạt nhân đối với hòa bình và an ninh thế giới. Phong trào đã có ảnh hưởng nhất định đối với việc ký kết các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân, vì thế đã góp phần giải trừ vũ khí hạt nhân. Sau Chiến tranh Lạnh, kho vũ khí hạt nhân trên thế giới vẫn còn rất lớn, tiếp tục đe dọa nền hòa bình và an ninh của thế giới. Hơn nữa, những tiến bộ của khoa học kỹ thuật làm cho sự

phổ biến hạt nhân tiếp tục gia tăng nhanh chóng. Vì thế vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân vẫn còn là một vấn đề quan trọng, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cường quốc hạt nhân và các nước trên thế giới. Phong trào chống vũ khí hạt nhân cần được tiếp tục đẩy mạnh để tiến tới hủy bỏ triệt để thứ vũ khí diệt chủng này.

Tuy nhiên, vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân vẫn còn nan giải. Có ý kiến cho rằng: “Quan niệm đe dọa hạt nhân dường như đã ăn sâu vào lòng người, khó có thể thay đổi được” mặc dù không ai nghi ngờ về tính hủy diệt của vũ khí hạt nhân. [52, tr. 229]. Đây được coi là một trong những lý do tiếp tục tồn tại của vũ khí hạt nhân. Hoa Kỳ và Nga là hai cường quốc quân sự hàng đầu. Hai nước cũng có kho vũ khí hạt nhân lớn nhất. Vậy họ tiếp tục duy trì một lực lượng hạt nhân lớn như vậy để làm gì nếu như không phải là để tiếp tục thực hiện chính sách răn đe hạt nhân trong quan hệ quốc tế? Ngoài các cường quốc hạt nhân, nhiều nước không có vũ khí hạt nhân cũng tìm cách có được thứ vũ khí này vì họ coi đó là “thủ đoạn quan trọng để tăng cường thực lực của bản thân và địa vị trên trường quốc tế”. [52, tr. 228]. Vì vậy, vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân cần kết hợp với việc giải quyết những vấn đề lớn trong quan hệ quốc tế. Những vấn đề này bao gồm thiết lập một cơ chế giám sát có hiệu quả đối với việc thực hiện các Hiệp ước NPT và Hiệp ước CTBT; đảm bảo an ninh và chủ quyền cho các nước vừa và nhỏ, các nước không có vũ khí hạt nhân; thực hiện các biện pháp xây dựng lòng tin giữa các quốc gia và đảm bảo lợi ích của các nước

trong các quan hệ song phương và đa phương. Ngoài ra, đàm phán và thương lượng là một biện pháp cần được coi trọng trong quan hệ quốc tế. Trong suốt mấy thập kỷ của cuộc Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ và Liên Xô - hai cường quốc đối địch hàng đầu - đã tiến hành nhiều cuộc đàm phán khó khăn để đạt được những thỏa thuận quan trọng về vấn đề vũ khí hạt nhân. Do đó để giải quyết những bất đồng trong quan hệ quốc tế, đàm phán và thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và cùng có lợi là những biện pháp cần thiết để tránh những cuộc xung đột và chiến tranh, cải thiện quan hệ, góp phần đảm bảo hòa bình và an ninh thế giới.

4. Việt Nam là một nước không có vũ khí hạt nhân nhưng chính phủ Việt Nam luôn quan tâm tới vấn đề này, thể hiện rõ qua việc bày tỏ quan điểm đối với vấn đề vũ khí hạt nhân nói chung và các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân nói riêng từ năm 1963 đến năm 1991. Trong suốt giai đoạn này, Việt Nam có những quan điểm khác nhau do những điều kiện khách quan và chủ quan chi phối. Nhìn chung quan điểm của Việt Nam có một số đặc điểm cơ bản như sau. *Trước hết*, ở một mức độ nhất định, quan điểm của Việt Nam bị chi phối bởi quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước lớn, chủ yếu là Hoa Kỳ, Liên Xô và Trung Quốc. Những tính toán của chính phủ Việt Nam trong việc bày tỏ quan điểm đối với các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân mà Hoa Kỳ tham gia ký kết trong giai đoạn này phù hợp với lợi ích quốc gia của Việt Nam. *Thứ hai*, khi có điều kiện, Việt Nam sẵn sàng bày tỏ quan điểm

ủng hộ những đặc điểm tích cực của các văn kiện này. Một trong những biểu hiện đó là việc Việt Nam tham gia Hiệp ước OST, Hiệp ước NPT và Hiệp ước CTBT mặc dù Việt Nam không có vũ khí hạt nhân.

Chiến tranh Lạnh kết thúc nhưng vấn đề giải trừ quân bị nói chung và vũ khí hạt nhân nói riêng vẫn tiếp tục là một vấn đề nổi bật trong quan hệ quốc tế. Cũng như nhiều nước yêu chuộng hòa bình khác, chính sách nhất quán của Việt Nam là tiếp tục sát cánh cùng các dân tộc yêu chuộng hòa bình thế giới chống vũ khí hạt nhân và bảo vệ hòa bình thế giới. Trong tuyên bố tháng 12-2001, chính phủ Việt Nam khẳng định: “Việt Nam ủng hộ các nỗ lực nhằm tiến tới giải trừ quân bị toàn diện và triệt để mà trước hết là vũ khí hạt nhân. Cho đến nay, Hiệp ước ABM giữa Nga và Hoa Kỳ là nền tảng của sự ổn định chiến lược trên thế giới. Chúng tôi hy vọng rằng các bên liên quan sẽ có quyết định không làm ảnh hưởng tới sự cân bằng chiến lược đã được hình thành đến quá trình giải trừ quân bị và kiểm soát vũ khí hiện nay cũng như hòa bình và an ninh trên thế giới”. [170].

Sau đó trong cuộc thảo luận chung của Ủy ban Giải trừ quân bị và An ninh quốc tế tại Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 59 (10-2004), đại diện thường trực Việt Nam tại Liên hợp quốc đã nhấn mạnh: “Việt Nam luôn ủng hộ việc loại bỏ hoàn toàn các kho vũ khí hạt nhân, đồng thời cam kết hợp tác với cộng đồng quốc tế trong vấn đề này”. Việt Nam cũng đề nghị tăng cường tính hiệu lực của các Hiệp ước NPT và Hiệp ước CTBT, đồng thời khẳng định “quyền của các nước được tiếp cận không phân biệt đối xử

việc nghiên cứu, sản xuất và sử dụng năng lượng hạt nhân vào các mục đích hòa bình”. [169]. Những tuyên bố của chính phủ Việt Nam thể hiện chính sách tích cực ủng hộ việc sử dụng năng lượng hạt nhân phục vụ các mục đích hòa bình, chống vũ khí hạt nhân và chiến tranh hạt nhân, giữ gìn an ninh, sự ổn định và hòa bình thế giới.

Tổng quan lại toàn bộ quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh cho thấy Hoa Kỳ là một thành viên chính của quá trình này. Trong quá trình đàm phán các văn kiện song phương và đa phương về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân, các chính quyền Mỹ luôn chủ trương đàm phán trên thế mạnh, đưa ra những điều kiện có lợi cho Mỹ, tiêu biểu là quá trình đàm phán về Hiệp ước INF-1987. Chủ trương đàm phán trên thế mạnh của Mỹ không chỉ biểu hiện trong lĩnh vực giải trừ quân bị mà còn thể hiện rõ trong nhiều vấn đề khác trong quan hệ quốc tế. Chính sách kiểm soát vũ khí hạt nhân của các chính quyền Mỹ trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh thực chất nhằm ngăn cản sự phát triển loại vũ khí này của các nước khác và giữ ưu thế hạt nhân của Mỹ. Mặc dù phải cắt giảm một số lượng lớn vũ khí hạt nhân theo các hiệp ước đã ký với Liên Xô nhưng sức mạnh hạt nhân tổng thể của Hoa Kỳ không bị suy giảm. Vì thế sau Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ vẫn là cường quốc hạt nhân hàng đầu thế giới và vẫn có vai trò lớn trong lĩnh vực hạt nhân. Mặc dù vậy, Hoa Kỳ cũng khó tránh khỏi sự đe dọa của vũ khí hạt nhân nếu loại vũ khí này rơi vào

tay lực lượng khủng bố quốc tế thù địch với Mỹ. Do đó, vấn đề kiểm soát vũ khí hạt nhân vẫn là một quan tâm lớn của các chính quyền Mỹ và Hoa Kỳ dựa vào cơ chế của Hiệp ước NPT để kiểm soát năng lượng hạt nhân và vũ khí hạt nhân của các nước. Trong khi đó, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, trong đó có Việt Nam, vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh vì một thế giới không có vũ khí hạt nhân và đòi tất cả các nước cùng bình đẳng trong việc sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình. Vì vậy, vấn đề kiểm soát, cắt giảm và tiến tới hủy bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân tiếp tục là một vấn đề quan trọng trong đời sống chính trị và quan hệ quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh.